Lớp 3 Tên: _____

Bài học 19

A. Tập đọc và viết lại những chữ sau đây:

uôn uốn uồn uộn

buôn bán	**luôn luôn**	**khuôn bánh**
_____	_____	_____
_____	_____	_____
_____	_____	_____
muôn màu	**tuôn chảy**	**bánh cuốn**
_____	_____	_____
_____	_____	_____
_____	_____	_____
mong muốn	**buồn bã**	**chuồn chuồn**
_____	_____	_____
_____	_____	_____
_____	_____	_____
nguồn suối	**cuộn chỉ**	**muộn**
_____	_____	_____
_____	_____	_____
_____	_____	_____

LIVEWORKSHEETS

Tên: _____

uông uống uồng
uổng uỗng uộng

chuông	chim muông	con đuông *(một loại sâu)*

vuông	nói suông	uống	cuống

luống	rau muống	xuống	buồng

cuồng	luồng	ruồng bỏ	xuồng *(thuyền nhỏ)*

thuồng luồng	uổng	thuổng (xẻng)

LIVEWORKSHEETS

ưa chuộng	cuộng rau (cọng rau)	ruộng
_____	_____	_____
_____	_____	_____
_____	_____	_____

B. Tập đọc và viết chính tả

(Dùng giấy nháp viết lại bài tập đọc 2 lần)

Ý Nghĩa của Màu Sắc

Cô giáo hỏi học sinh:
- Nếu lớp học của chúng ta có **tường sơn** màu đỏ thì các em cảm thấy thế nào?
Khanh giơ tay trả lời:
- Thưa cô, em thấy nóng và có **cảm giác** đứng ngồi **không yên**.
Cô giáo nói:
- Đúng đấy! Vì màu sắc **gây ra** cảm giác, nên người ta đặt cho mỗi màu một ý nghĩa. Màu đỏ giống máu và lửa nên có nghĩa là **sức mạnh**. Màu trắng mang lại sự **thanh thản**, dễ chịu nên được coi là màu của sự **trong sạch** và **hy vọng**. Màu hồng làm ta cảm thấy vui tươi nên là màu của **tình yêu**, **tình bạn** và là màu **dành riêng** cho con gái.

Ngữ vựng:

ý nghĩa: *meaning;* **tường:** *wall;* **sơn:** *to paint;* **cảm giác:** *feeling;* **không yên:** *uneasy;* **đúng đấy:** *that's right;* **gây ra:** *to cause;* **sức mạnh:** *strength, power;* **thanh thản:** *relaxed;* **trong sạch:** *clean,*

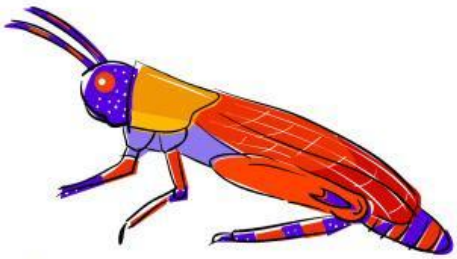

LIVEWORKSHEETS

pure; **hy vọng:** *hope;* **tình yêu:** *love;* **tình bạn:** *friendship;* **dành riêng:** *reserved.*

C. Trả lời câu hỏi

1. Màu đỏ làm ta có cảm giác thế nào?

_____

_____

2. Màu trắng làm ta cảm thấy thế nào?

_____

3. Màu hồng làm ta cảm thấy thế nào?

_____

4. Màu gì dành riêng cho con gái?

_____

5. Màu gì có ý nghĩa sức mạnh?

_____

D. Văn phạm

Đại từ là chữ có thể thay thế danh từ.

Ngôi thứ nhất số ít: **tôi, em, cháu, con**

Ngôi thứ hai số ít: **anh, chị, em, cô**

Ngôi thứ ba số ít: **nó, hắn, cô ấy, anh ấy, ông ấy, bà ấy**

LIVEWORKSHEETS

Ngôi thứ nhất số nhiều: **chúng tôi, chúng em, chúng cháu**

Ngôi thứ hai số nhiều: **các anh, các chị, các em, các cháu**

Ngôi thứ ba số nhiều: **chúng nó, họ, các anh ấy, các chị ấy, các cô ấy**

Thay thế những chữ gạch dưới bằng đại từ.

1. Bo và Long đang chơi xích đu.

_____

2. Chi ngồi đu đưa trên cành cây.

_____

2. Tôi và Mậu muốn đứng chờ ở đây. _____

3. Lan cho tôi mượn cây viết được không? _____

4. Lúc nào sân chơi cũng đông người. _____

5. Con chó lớn tên là Kabob. _____

6. Bác Liên có năm người con trai. _____

7. Bà ngoại sợ đi máy bay. _____

8. Cái ghế đã bị gẫy chân. _____

9. Anh Huy và anh Quốc hỏi đường đi xem viện bảo tàng.

_____

10. Cô Hân và cô Hoa mặc áo đầm cùng màu. _____

LIVEWORKSHEETS

Đ. Điền vào chỗ trống

Dùng những chữ sau đây để điền vào chỗ trống:

nam, đông, Châu Mỹ, Thái Bình Dương, Châu Á, bắc, Châu Âu, tây, Đại Tây Dương, Châu Phi.

1. Việt Nam nằm ở _____.

2. San Francisco nằm ở phía _____ của Los Angeles.

3. Mặt trời mọc ở hướng _____.

4. Mặt trời lặn ở hướng _____.

5. Nước Brazil nằm ở phía _____ của _____.

6. Nước Ai Cập nằm ở _____.

7. Nước Pháp nằm ở _____.

8. Nước Ấn Độ nằm ở _____.

9. Phía _____ của California là biển _____.

10. Phía _____ của New York là biển _____.

LIVEWORKSHEETS

E. Tập đặt câu

1. (bong bóng) _____

_____

2. (thư viện) _____

_____

3. (sở thú) _____

_____

4. (đôi giầy)_____

_____

5. (áo đầm) _____

_____

G. Học thuộc lòng

Ca dao

Mẹ hát thì con khen hay,

Con múa thì mẹ vỗ tay khen mềm.

(vì tình thương giữa mẹ và con nên con lúc nào cũng thấy mẹ là nhất và mẹ lúc nào cũng thấy con là giỏi)

LIVEWORKSHEETS